

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/3/2024
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Tường

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp A, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông **Ngũ Thiện T** (Ngũ Thiện T1), sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Nguyễn Thị K trình bày: bà và ông T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, yêu thương nhau, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T1 không lo làm ăn chăm sóc gia đình, chỉ lo ăn nhậu vui chơi với bạn bè. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng không được, ông T1 còn có lời lẽ xúc phạm gia đình vợ. Vì vậy, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau khiến đời sống chung trở nên căng thẳng, ngột ngạt, gây mệt mỏi cho nhau, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngũ Thiện T. Về con chung, bà và ông T có 01 người con chung là Ngũ Đình C (nam) sinh

ngày 06/4/2011, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có.

Phía bị đơn ông Ngủ Thiện T trình bày: ông và bà K tự tìm hiểu và kết hôn, ông bà có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, nay bà K yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Ông và bà K có 01 người con chung là Ngũ Đình C (nam) sinh ngày 06/4/2011, ông đồng ý giao con cho bà K nuôi dưỡng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông có tích góp được các tài sản chung như sau: 01 xe Exciter biển số 65G1-183.99, 01 xe Airblade biển số 65F1-801.21, 20 chỉ vàng 24K do bà K đang quản lý. Ông đồng ý giao xe Exciter cho bà K quản lý, ông sẽ nhận xe Airblade, ông yêu cầu được nhận 10 chỉ vàng 24K. Ông bà không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị K và ông Ngủ Đình C1 xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 230 ngày 18/12/2009 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 14/12/2023 bà K yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất vào ngày 29/02/2024, ông T có đến trụ sở Tòa án theo giấy triệu tập nhưng sau đó tự ý bỏ về. Tại phiên tòa hôm nay, ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà K, ông T thống nhất quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên thống nhất ly hôn. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bà K và ông T đều xác định giữa hai người có nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm, quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông T đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà K và ông T.

[4] Về con chung, ông bà có 01 con chung là Ngũ Đình C (nam) sinh ngày 06/4/2011, bà K yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, ông T

cũng thống nhất giao con chung cho bà K nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của các đương sự không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, bà Kiệt xác n trong thời gian chung sống bà và ông K có các tài sản chung là: 01 xe Exciter biển số 65G1-183.99, 01 xe Airblade biển số 65F1-801.21 do ông T quản lý, 10 chỉ vàng 24K do bà K đang quản lý nhưng bà không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung. Ông T trình bày trong thời gian chung sống, ông và bà K có tài sản chung gồm 01 xe Exciter biển số 65G1-183.99, 01 xe Airblade biển số 65F1-801.21, 20 chỉ vàng 24K. Hai chiếc xe thì hiện nay ông T và bà K mỗi người đang sử dụng 01 xe, ông yêu cầu chia đôi 20 chỉ vàng mà bà K đang quản lý. Tòa án đã tổng đạt Thông báo số 33/TB-TA ngày 19/01/2024 cho ông T nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung, nhưng hết thời hạn 07 ngày ông T không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí nên Tòa án không thụ lý yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề tài sản chung trong vụ án này, trường hợp ông T có tranh chấp về tài sản chung thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất không có nợ chung.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K với ông Ngủ Thiện T.

- *Về con chung*: giao Ngủ Đình C (nam) sinh ngày 06/4/2011 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung*: chưa xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà K nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0006132 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã G;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa